TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN M – TP. HÀ NỘI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST – DS.	*M, ngày 16 tháng 01 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2018/TLST – DS ngày 19/12/2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ trụ sở: Số 191 B, phường L, quận H, TP. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Hồ Hùng A** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: **Bà Phạm Thị N** – Giấy ủy quyền số 893/2018/UQ-TCB ngày 29/8/2018.

***Bị đơn*: Ông Nguyễn Duy H**, sinh năm 1976.

Bà Đỗ Thị Hồng L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đại H, huyện M, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L và ông H:

Ông Đỗ Trung D, sinh năm 1947.

Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện M, TP Hà Nội.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 02/11/2018 của bà Đỗ Thị Hồng L và ông Nguyễn Duy H)

Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Trung D, sinh năm 1947. Có mặt.

Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1955. Có mặt

Đều cư trú tại: Thôn Hạ, xã P, huyện M, TP Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP K) và ông Đỗ Trung D đều thừa nhận ngày 28/4/2011 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và vợ chồng anh Nguyễn Duy H, chị Đỗ Thị Hồng L có ký kết 01 Hợp đồng tín dụng số 47776/HĐTD/TH-TN/TCB-TTB.

2.2 Về nợ gốc và lãi: Ông Đỗ Trung D xác nhận, vợ chồng anh Nguyễn Duy H và chị Đỗ Thị Hồng L có nợ Ngân hàng TMCP K tính đến ngày 23/8/2018 tổng số tiền là: **4.388.601.759 đồng** (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm linh một nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là **1.424.994.000 đồng** (Một tỷ, bốn trăm hai mươi tư triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn đồng)và nợ lãi là **1.760.897.891 đồng** (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng),tiền lãi phạt chậm trả là **1.202.709.940 đồng** (Một tỷ, hai trăm linh hai triệu, bảy trăm linh chín nghìn, chín trăm bốn mươi đồng).

- Ngân hàng TMCP K và ông Đỗ Trung D thống nhất phương án trả nợ như sau:

+ Chậm nhất đến ngày 30/5/2019, vợ chồng anh Nguyễn Duy H và Đỗ Thị Hồng L sẽ thanh toán toàn bộ số tiền: **3.185.891.891 đồng** và nợ lãi phát sinh. Trường hợp, vợ chồng anh H và chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất thửa đất và tài sản gắn liền với đất số: 80, tờ bản đồ số: 08 có diện tích:

432 m^2, mục đích sử dụng: làm nhà ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, tại địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện M, tỉnh Hà Tây cũ (nay là thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số I 466425, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 3683 QSDĐ, do UBND huyện M, tỉnh Hà Tây (cũ), cấp ngày 14/01/1998 cho hộ gia đình ông D, đã đính chính thông tin chủ sử dụng ngày 22/11/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M, thành phố Hà Nội, đính chính từ hộ gia đình sang cho ông Đỗ Trung D.

+ Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán khoản nợ của vợ chồng anh Nguyễn Duy H và Đỗ Thị Hồng L tại Ngân hàng TMCP K. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì vợ chồng anh Nguyễn Duy H và Đỗ Thị Hồng L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết phần nợ còn thiếu cho Ngân hàng.

+ Đối với số tiền lãi phạt chậm trả là **1.202.709.940 đồng** (Một tỷ, hai trăm linh hai triệu, bảy trăm linh chín nghìn, chín trăm bốn mươi đồng), Ngân hàng TMCP K miễn khoản này cho anh Nguyễn Duy H và chị Đỗ Thị Hồng L.

+ Đối với khoản tiền phạt vi phạm Hợp đồng với số tiền là **14.249.940 đồng** (Mười bốn triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi đồng) Ngân hàng miễn cho anh H, chị L.

2.3 *Về án phí:* Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban Th□ờng vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án anh H□ng, chị Lê tự nguyện nộp 47.858.981đ (Bốn m□ơi bảy triệu, tám trăm năm m□ơi tám nghìn, chín trăm tám m□ơi mốt đồng) tiền áp phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP K 57.940.000đ (Năm mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 2086 ngày 17 tháng 12 năm 2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện M.*
- *T.H.A.D.S huyện M.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Lâm Bình